

Quá khứ của động từ thường Regular Verbs

(Động từ có quy tắc): thêm “ed”

1. Động từ kết thúc : “e”-> thêm “d”

Live-> lived (đã sống)

Love -> loved (đã yêu)

2. Động từ kết thúc : Phụ âm + Nguyên âm (u,e,o,a,i) + phụ âm (trừ y,x,h, z)

-> gấp đôi phụ âm cuối , thêm “ed”

Stop-> Stopped (đã dừng lại)

Plan-> planned (đã lên kế hoạch)

STAY-> STAYED (đã ở)

3. Động từ kết thúc : Phụ âm + Y-> chuyển Y-> IED

- STUDY -> STUDIED (đã học)

- WORRY-> WORRIED (đã lo lắng)

Chuyển các động từ ở dạng nguyên thể sau sang **Quá khứ đơn**

	Động từ nguyên thể	Quá khứ đơn		Động từ nguyên thể	Quá khứ đơn
1	Like		16	Invite (Mời)	
2	Play		17	Believe (tin tưởng)	
3	Watch		18	Fit (vừa, hợp)	
4	Climb		19	Drop (rơi)	
5	Live		20	Stay (ở)	
6	Listen		21	Mix	
7	Dance		22	Fix (sửa chữa)	
8	Clean		23	Obey (tuân theo)	
9	Talk		24	Study (học)	
10	Work		25	Worry (lo lắng)	
11	Love		26	Supply (cung cấp)	
12	Visit (thăm)		27	Carry (mang, vác)	
13	Look		28	Apply (áp dụng)	
14	Learn (học)		29	Try (thử, cố gắng)	
15	Change (thay đổi)		30	Agree (đồng ý)	